

**ĐẠI HỌC DUY TÂN  
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 05/2026  
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**

**Thời gian: 13h00 \* Ngày thi: 10/05/2026**

**Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.**

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	27213350191	Trần Hoàng Ân	03/03/2003	Đà Nẵng	31CSC11	5,0	5,4	Đạt	
2	28207304536	Dương Phan Văn Anh	05/01/2004	Huế	31SYC9	7,3	8,8	Đạt	
3	28217305637	Lê Ngọc Nhật Anh	29/04/2004	Huế	31SYC9	8,0	5,0	Đạt	
4	28207354311	Nguyễn Thị Phương Anh	04/04/2004	Hà Nội	31SYC9	9,3	6,3	Đạt	
5	29206565408	Nguyễn Thúy Diệp Anh	31/10/2004	Đắk Lắk	31TBN18	6,3	2,6	Không Đạt	
6	27202241869	Võ Thị Kiều Anh	26/05/2003	Nghệ An	31CHT7	6,3	5,0	Đạt	
7	28208025116	Võ Thị Quỳnh Anh	24/10/2004	Quảng Nam	31CSC11	7,7	6,0	Đạt	
8	29204755473	Huỳnh Thị Thu Bình	17/12/2005	Quảng Nam	31TBN18	9,7	9,3	Đạt	
9	28213206401	Nguyễn Thành Công	11/08/2004	Đắk Lắk	31CSC11	3,7	3,9	Không Đạt	
10	29206754241	Trần Thị Thu Cúc	01/07/2004	Đà Nẵng	31TBN18	8,3	5,0	Đạt	
11	28212300139	Đỗ Xuân Cường	20/11/2004	Quảng Ngãi	31TBN18	9,7	5,3	Đạt	
12	28217300140	Nguyễn Hoàng Đạt	17/01/2004	Quảng Ngãi	31SYC9	7,3	5,9	Đạt	
13	28216653542	Nguyễn Thành Đạt	09/10/2004	Đà Nẵng	31TBN18	5,0	3,4	Không Đạt	
14	29212355226	Nguyễn Việt Đạt	06/01/2005	Quảng Bình	31CSC11	6,3	7,0	Đạt	
15	29206565337	Nguyễn Thị Hương Giang	18/07/2004	Nghệ An	31TBN18	8,7	5,0	Đạt	
16	28207333787	Lê Hoàng Nhật Hạ	17/07/2004	Quảng Bình	31SYC9	8,3	7,3	Đạt	
17	28207303744	Nguyễn Thiêng Hằng	22/08/2004	Gia Lai	31SYC9	9,3	4,3	Không Đạt	
18	0935581892	Đặng Mỹ Hậu	02/03/1997	Đà Nẵng	31TBN18	9,7	7,3	Đạt	
19	28218003924	Lê Nguyễn Nhật Hiếu	03/02/2003	Đà Nẵng	31CSC11	9,0	9,0	Đạt	
20	28207306845	Lê Thị Hiếu	20/11/2004	Khánh Hòa	31SYC9	9,3	6,8	Đạt	
21	29208137400	Lê Thị Diễm Hoa	06/11/2005	Đắk Lắk	31CSC11	9,3	5,3	Đạt	
22	28208036351	Võ Thị Phương Hoàng	05/01/2002	Quảng Nam	31CSC11	5,7	3,4	Không Đạt	
23	29214121598	Đậu Đức Hưng	28/01/2005	Nghệ An	31TBN18	6,0	6,0	Đạt	
24	29204956947	Phan Minh Thu Hương	04/02/2005	Quảng Nam	31CSC11	9,7	9,0	Đạt	
25	28202726142	Nguyễn Thị Thu Hường	01/02/2004	Nghệ An	31THT15	7,7	3,3	Không Đạt	
26	29208162460	Nguyễn Thị Thu Hường	02/01/2005	Đà Nẵng	31CSC11	7,7	5,0	Đạt	
27	29214650674	Võ Trần Kha	05/03/2005	Đắk Lắk	31SYC9	8,0	6,0	Đạt	
28	28217337961	Vũ Trần Nam Khánh	03/06/2004	Đà Nẵng	31SYC9	8,7	8,3	Đạt	
29	29204954935	Hà Thị Ngọc Lan	10/02/2005	Bắc Giang	31CSC11	10,0	8,5	Đạt	
30	29204959314	Phan Thị Lành	29/06/2005	Quảng Bình	31CSC11	10,0	8,8	Đạt	
31	28204650405	Lê Thị Linh	17/11/2004	Nghệ An	31TBN18	6,7	3,8	Không Đạt	
32	28207354657	Nguyễn Thị Hồng Loan	22/07/2004	Đà Nẵng	31SYC9	7,0	6,9	Đạt	

**Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.**

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	29214621675	Phạm Thắng	Lợi	07/12/2005	Đắk Lắk	31SYC9	5,0	7,0	Đạt	
34	29204822839	Nguyễn Thị Phương	Ly	12/08/2005	Hà Tĩnh	31TBN18	7,0	3,5	Không Đạt	
35	28204302323	Trịnh Thị Diễm	My	25/01/2004	Đắk Lắk	31THT15	7,0	5,1	Đạt	
36	28206500704	Dương Thị My	Na	30/12/2004	Quảng Nam	31TBN18	9,7	1,4	Không Đạt	
37	28217301008	Nguyễn Hữu Nhật	Nam	13/12/2004	Quảng Bình	31SYC9	7,7	8,3	Đạt	
38	27202642839	Đỗ Thị Mĩ	Ngân	22/01/2003	Kon Tum	31TBN4	8,3	4,0	Không Đạt	
39	28207347353	Phan Nguyễn Thảo	Ngân	23/08/2004	Quy Nhơn	31SYC9	9,7	6,4	Đạt	
40	28217353802	Lê Khang	Nghi	05/11/2004	Khánh Hòa	31SYC9	7,3	7,0	Đạt	
41	29206565022	Lê Thị Thảo	Nguyên	05/10/2005	Đắk Lắk	31TBN18	7,3	5,0	Đạt	
42	28212300528	Trần Tuấn	Nguyên	24/11/2004	Gia Lai	31TBN18	10,0	5,0	Đạt	
43	28204300812	Võ Thị Thu	Nguyên	20/01/2004	Đà Nẵng	31TBN18	9,7	4,3	Không Đạt	
44	28204602967	Vũ Thị Thảo	Nguyên	13/04/2004	Quảng Nam	31THT9	8,7	5,0	Đạt	
45	28204543045	Nguyễn Lê Ái	Nhi	30/12/2004	Bình Định	31TYC15	6,7	5,1	Đạt	
46	29204622234	Nguyễn Thị	Nhi	13/11/2005	Phú Yên	31SYC9	8,3	3,8	Không Đạt	
47	28204303691	Nguyễn Thị Ánh	Nhi	30/01/2004	Đà Nẵng	31TBN18	9,3	5,4	Đạt	
48	29212337296	Phan Thái	Phong	10/11/2004	Thái Nguyên	31CSC11	6,3	3,0	Không Đạt	
49	28214302845	Lê Hữu	Phước	02/10/2004	Quảng Trị	31TYC1	7,7	4,1	Không Đạt	
50	28206200711	Nguyễn Thị Kim	Quyên	10/02/2004	Thừa Thiên H	30THT9	5,3	5,0	Đạt	
51	28207306511	Trần Nguyễn Bảo	Quyên	27/08/2004	Quảng Ngãi	31SYC9	10,0	9,8	Đạt	
52	29212357172	Lê Phú	Quyên	19/05/2005	Huế	31TBN18	10,0	8,8	Đạt	
53	29204624432	Lê Diễm	Quỳnh	10/11/2005	Đắk Lắk	31SYC9	8,7	5,8	Đạt	
54	28208138339	Lê Thị Như	Quỳnh	18/12/2004	Đà Nẵng	31CSC11	10,0	5,0	Đạt	
55	28208154738	Nguyễn Lê Trúc	Quỳnh	06/11/2004	Đà Nẵng	31SYC9	5,0	3,6	Không Đạt	
56	29208064662	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	29/05/2005	Đà Nẵng	31CSC11	8,3	7,5	Đạt	
57	28216648032	Huỳnh Phương	Sanh	13/06/2004	Đà Nẵng	31TBN18	8,3	5,0	Đạt	
58	28218001384	Phan Nhật Hoài	Son	05/02/2004	Khánh Hòa	31TBN18	5,0	3,8	Không Đạt	
59	28206506572	Huỳnh Thị Thu	Suong	14/10/2003	Quảng Ngãi	31SSC3	7,7	2,5	Không Đạt	
60	28208002418	Nguyễn Thị Tuyết	Suong	26/04/2004	Gia Lai	31TBN18	10,0	2,8	Không Đạt	
61	28212300963	Mai Lý Hồng	Tâm	08/03/2004	Bình Định	31TBN18	6,7	9,5	Đạt	
62	28206548971	Văn Thị Thanh	Tâm	02/11/2004	Quảng Trị	31SSC7	7,7	3,9	Không Đạt	
63	28219103262	Nguyễn Duy	Thanh	13/10/2003	Đắk Lắk	31CSC11	10,0	9,9	Đạt	
64	28212742912	Huỳnh Tiến	Thành	27/08/2004	Đà Nẵng	31TBN18	8,0	7,3	Đạt	
65	28208238266	Lê Ngọc Phương	Thảo	21/09/2004	Đà Nẵng	31TBN18	3,7	1,3	Không Đạt	
66	28207306422	Nguyễn Hà Mai	Thảo	12/08/2004	Quảng Bình	31SYC9	9,3	6,3	Đạt	
67	28204651290	Nguyễn Thị Kim	Thuyền	04/06/2004	Đà Nẵng	31THT15	7,3	3,5	Không Đạt	

**Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.**

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28213201143	Phạm Nhật	Tin	20/03/2004	Quảng Ngãi	31CSC11	2,7	1,5	Không Đạt	
69	28206501673	Nguyễn Thị Mỹ	Trà	23/09/2004	Đắk Nông	31TBN18	8,0	4,5	Không Đạt	
70	29206137761	Nguyễn Thị Phương	Trinh	09/09/2005	Đà Nẵng	31CSC11	10,0	8,8	Đạt	
71	29208121361	Võ Thị Thùy	Trinh	17/02/2005	Quảng Nam	31CSC11	9,7	5,0	Đạt	
72	28214602151	Bùi Văn	Tú	24/11/2003	Đắk Lắk	31TBN18	V	V	Không Đạt	
73	29212344845	Đặng Đoàn Ngọc	Tuân	23/03/2005	Quảng Bình	31CSC11	6,0	6,3	Đạt	
74	28215139881	Thân Văn	Tuân	24/01/2004	Quảng Nam	31TBN18	V	V	Không Đạt	
75	29208124528	Võ Ngọc Ánh	Tuyền	16/06/2005	Đà Nẵng	31CSC11	10,0	9,4	Đạt	
76	29208162740	Nguyễn Trần Phương	Uyên	19/03/2005	Quảng Nam	31CSC11	9,7	7,5	Đạt	
77	27203321437	Phạm Thị Thúy	Vân	06/04/2003	Quảng Ngãi	30SHT1	7,7	5,8	Đạt	
78	28204353588	Đào Nguyễn Hoàng	Vy	28/04/2004	Đà Nẵng	31THT15	10,0	6,0	Đạt	
79	29204860346	Nguyễn Thị Tường	Vy	04/04/2005	Đà Nẵng	31TBN18	8,3	6,3	Đạt	

**TRUNG TÂM TIN HỌC**

*(Đã ký)*

**Dương Trương Quốc Khánh**